TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số 25/2021/DS-ST
Ngày 14/5/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Thanh Trà
  Ông Huỳnh Tiễn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 14/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/QĐXXST-DS ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971. Địa chỉ: 217 H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

* Bị đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm: 1954. Địa chỉ: 86, 88, 90 P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị A: Ông Phạm Xuân T – Luật sư Văn phòng Luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: 82 Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (theo Giấy ủy quyền ngày 02/12/2020), ông Thường vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tôn Nữ Ái L, sinh năm: 1966. Địa chỉ: tổ 32, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Võ Thành C, sinh năm: 1971. Địa chỉ: 43 B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vào ngày 07/7/2013, do có quan hệ quen biết nên bà N có cho bà Huỳnh Thị A vay số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) và bà A cam kết sẽ thanh toán dứt điểm trong thời hạn 30 ngày, kể từ

ngày vay tiền. Tuy nhiên, đến hạn theo thỏa thuận trên, bà A vẫn không trả số tiền nợ như đã cam kết. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà A trả nợ nhưng bà A hứa hẹn nhiều lần mà không chịu thanh toán.

Ngoài ra, bà N còn giới thiệu và đứng ra bảo lãnh cho bà A mượn tiền như sau:

Vào ngày 31/10/2013, ông Võ Thành C có cho bà Huỳnh Thị A mượn số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), không tính lãi, hẹn đến ngày 07/11/2013 sẽ trả nợ. Vào ngày 07/4/2014, ông Võ Thành C tiếp tục cho bà A mượn số tiền 817.000.000đ (Tám trăm mười bảy triệu đồng), hẹn đến ngày 20/4/2014 sẽ trả nợ. Tổng số tiền bà A mượn của ông Võ Thành C là 1.217.000.000đ (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu đồng). Do bà A không chịu trả nợ cho ông C nên bà N đã thực hiện nghĩa vụ trả thay cho bà A số tiền 1.217.000.000 đồng.

Vào ngày 05/7/2013, bà Tôn Nữ Ái L có cho bà Huỳnh Thị A mượn số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), theo lãi suất Ngân hàng tại thời điểm trả tiền, thời hạn hợp đồng mượn tính từ ngày 5 đến ngày 7. Do bà A không chịu trả nợ cho bà L nên bà N đã thực hiện nghĩa vụ trả thay cho bà A số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Đối với số tiền bà A nợ ông Võ Thành C và Tôn Nữ Ái L, bà N đã trả thay cho bà A 02 khoản nợ này và ông C bà L chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ cho bà N. Nay bà N xin rút yêu cầu buộc bà A thanh toán cho bà N số tiền bà N trả thay cho bà A vay của ông Võ Thành C là 1.217.000.000 đồng và tiền lãi từ 20.4.2014 đến 20.4.2020 là 1.217.000.000đ x 9%/năm x 6 năm = 657.180.000 đồng và số tiền bà N trả thay cho bà A vay của bà Tôn Nữ Ái L là: 2.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05.8.2013 đến 05.8.2020 là: 2.000.000.000đ x 9%/năm x 7 năm = 1.260.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị A phải trả cho bà N số tiền bà A vay bà N ngày 07/7/2013 là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi từ 08.08.2013 đến ngày 14.05.2021 là 2.500.000.000đ x 9%/năm x 7 năm 9 tháng 6 ngày = 1.725.000.000 đồng. Tổng cộng 4.225.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra bà N không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Đối với số tiền 2.500.000.000 đồng vay ngày 07/7/2013, bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà A trả số tiền này, bị đơn xác nhận có mượn tiền của bà N nhưng số tiền bao nhiêu và thời gian cụ thể như thế nào bà A không nhớ. Trong quá trình vay bà N thì bà A đã thanh toán hết số tiền nợ cho bà N. Còn lại cụ thể như thế nào thì bị đơn sẽ có văn bản và chứng cứ cho Tòa án sau.

Đối với số tiền bà A vay của ông Võ Thành C là 1.217.000.000 đồng và bà A vay của bà bà Tôn Nữ Ái L 2.000.000.000 đồng, việc vay mượn giữa bà A với ông Võ Thành C và bà Tôn Nữ Ái L thì bà A đã giải quyết với ông C và bà L rồi

không liên quan đến bà N nên bà A không đồng ý với việc ông Võ Thành C và bà Tôn Nữ Ái L chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ cho bà N, việc bà A có mượn tiền của người nào thì sẽ thanh toán cho người đó.

Đối với tiền lãi của các khoản vay trên đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tiền lãi. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Thành C trình bày:* Qua sự giới thiệu quen biết với bà N, vào ngày 31/10/2013, ông Võ Thành C có cho bà Huỳnh Thị A mượn số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), bà A có viết giấy mượn tiền có bà N là người làm chứng ký vào giấy mượn tiền, hẹn đến ngày 07/11/2013 sẽ trả nợ. Tiếp đến vào ngày 07/4/2014, ông Võ Thành C tiếp tục cho bà A mượn số tiền 817.000.000đ (Tám trăm mười bảy triệu đồng), bà A có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 20/4/2014 sẽ trả nợ. Tổng số tiền bà A mượn của ông Võ Thành C là 1.217.000.000đ (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu đồng). Do bà A không chịu trả nợ cho ông C nên bà N đã thực hiện nghĩa vụ trả thay cho bà A số tiền 1.217.000.000 đồng. Ông C đã thống nhất và lập văn bản thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đòi số tiền bà A nợ ông C cho bà N. Nay bà N rút yêu cầu về việc yêu cầu bà A thanh toán tiền nợ gốc và lãi bà A đã mượn của ông C, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề này ông C không có ý kiến gì. Ông C không có yêu cầu độc lập.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Nữ Ái L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Tôn Nữ Ái L vắng mặt không có lý do và không có bản khai.

* Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Hộ chiếu và sổ hộ khẩu bà N; Giấy mượn tiền ngày 07.7.2013; Giấy mượn tiền ngày 05.7.2013; Giấy mượn tiền ngày 31.10.2013; Giấy mượn tiền ngày 07.4.2014; Văn bản thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu; Thông báo chuyển giao quyền yêu cầu; Giấy xác nhận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N ngày 26/01/2021; Giấy ủy quyền số chứng thực 240, quyển số 01 ngày 02/12/2020 tại Văn phòng công chứng T; Đơn xin miễn tiền án phí; Chứng minh nhân dân ông Võ Thành C (photo).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà Tôn Nữ Ái L vắng

mặt tại Tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.500.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu tiền lãi 1.725.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị N do hết thời hiệu khởi kiện và bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu..

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị A trả số tiền vay của ông Võ Thành C là 1.217.000.000 đồng và tiền lãi và vay của bà Tôn Nữ Ái L số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Ngày 07/7/2013, bà Nguyễn Thị N và bà Huỳnh Thị A có ký kết Giấy mượn tiền. Nội dung hợp đồng thể hiện: bà Huỳnh Thị A mượn bà Nguyễn Thị N số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích sửa chửa 03 căn nhà 86, 88, 90, thời gian mượn từ ngày 07/7/2013, bên B (bên mượn tiền) cam đoan sẽ hoàn trả lại cho bên A (bên cho mượn) đúng thời gian theo thỏa thuận của hai bên là 01 tháng trả đủ. Đối với giao dịch vay tài sản thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà A đã nhận tiền của bà N, hết thời hạn cam đoan sẽ hoàn trả lại nhưng đến hạn bà A chưa thanh toán số tiền đã mượn của bà N, người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị A xác nhận có mượn tiền của bà N nhưng số tiền bao nhiêu và thời gian cụ thể như thế nào bà A không

nhớ. Trong quá trình vay bà N thì bà A đã thanh toán hết số tiền nợ cho bà N. Còn lại cụ thể như thế nào thì bị đơn sẽ có văn bản và chứng cứ cho Tòa án sau. Tuy nhiên, ngoài giấy mượn tiền ngày 07/7/2013 do bà N cung cấp thì bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền đã mượn và đã trả cho bà N. HĐXX nhận thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 2.500.000.000 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng mượn tiền ngày 07/7/2013 theo quy định tại Điều 474, 478 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Huỳnh Thị A trả số tiền 2.500.000.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Xét yêu cầu về tiền lãi của bà Nguyễn Thị N thì thấy: Theo thỏa thuận tại Giấy mượn tiền, thời gian mượn từ ngày 07/7/2013, bên mượn tiền cam đoan sẽ hoàn trả lại cho bên cho mượn đúng thời gian theo thỏa thuận của hai bên là 01 tháng trả đủ, sau khi bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà N đã yêu cầu bà A thanh toán, nguyên đơn đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm từ ngày 7/8/2013, tuy nhiên đến năm 2020 mới khởi kiện. Bị đơn có đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, đã hết 03 năm thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "những quy định chung" của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tiền lãi từ ngày 08.08.2013 đến ngày 14.5.2021 là 2.500.000.000đ x 9%/năm x 7 năm 9 tháng 06 ngày = 1.725.000.000 đồng do đã hết thời hiệu khởi kiện nên cần đình chỉ giải quyết theo yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn.

Đối với yêu cầu của bà N về việc bà Huỳnh Thị A thanh toán cho bà N số tiền 1.217.000.000 đồng và tiền lãi 657.180.000 đồng mà ông Võ Thành C chuyển giao quyền yêu cầu cho bà N và số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 1.260.000.000 đồng mà bà Tôn Nữ Ái L chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ cho bà N. Nay bà N xin rút yêu cầu này, việc rút một phần yêu cầu là tự nguyện, do đó HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[3] Về án phí: Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên bị đơn sinh năm 1953, có đơn xin miễn giảm án phí nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, cần hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện, cần hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 122, 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 154, 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Huỳnh Thị A: Buộc bà Huỳnh Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị A thanh toán số tiền lãi 1.725.000.000 đồng do áp dụng thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu của bị đơn.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc bà Huỳnh Thị A thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.217.000.000 đồng, tiền lãi 657.180.000 đồng mà ông Võ Thành C chuyển giao quyền yêu cầu cho bà N và số tiền 2.000.000.000 đồng, tiền lãi 1.260.000.000 đồng mà bà Tôn Nữ Ái L chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ cho bà N.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-ADBPKCTT ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

5. Về án phí: Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí là 58.604.500 đồng theo biên lai

thu số 0009475 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo